

Bản án số: 73/2024/DS-ST  
Ngày: 22-08-2024  
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;  
Ông Nguyễn Quốc Thống.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

**Bị đơn:** Bà Trương Thị L, sinh năm: 1978 (có mặt);

Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày yêu cầu:**

Ngày 10/01/2022 âm lịch, vợ chồng ông Phạm Văn H1 mở hụi 1.000.000 đồng, có 31 chân, mỗi tháng khui 02 lần, bà H tham gia 01 chân, đóng 23 kỳ bằng 23.000.000 đồng; ngày 15/05/2022 mở thêm dây hụi 1.000.000 đồng, có 24 chân, mỗi tháng khui 02 lần, tham gia 02 chân, đóng 16 kỳ bằng 32.000.000 đồng, dây hụi này có mua 01 chân 16.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2023 âm lịch, chủ hội tuyên bố đình hội, tổng cộng hội tham gia và hội mua là 71.000.000 đồng, khi hòa giải trả được 2.000.000 đồng, còn nợ 69.000.000 đồng. Nay yêu cầu vợ chồng bà Trương Thị L, ông Phạm Văn H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hội còn nợ là 69.000.000 đồng; về lãi suất không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2024, bà H đồng ý giảm phần tiền lãi hội, yêu cầu vợ chồng bà L liên đới trả tiền hội mà bà đóng vào là 54.960.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng đã trả còn lại tiếp tục thanh toán 52.960.000 đồng.

*Bị đơn bà Trương Thị L trình bày:*

Tôi làm chủ hội, bà H là hội viên, loại hội bốc thăm ai bỏ cao thì hốt hội, chủ hội hưởng tiền cò 800.000 đồng/kỳ khui, hội khui tại nhà; hiện nay hội đình, bà H kiện tôi số tiền hội 69.000.000 đồng, tôi có ý kiến như sau:

Về dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 10/01/2022 âm lịch bà H đóng 23 kỳ số tiền gốc là 15.900.000 đồng.

Về dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/05/2022 âm lịch bà H tham gia 02 chân, chết 16 kỳ số tiền đóng vào 11.530.000 đồng/chân x 02 chân 23.060.000 đồng, dây hội này mua 01 chân số tiền 16.000.000 đồng.

Nếu tính theo giá trị đầu hội thì 23 kỳ = 23.000.000 đồng + 16 kỳ x 02 chân = 32.000.000 đồng + 16.000.000 đồng hội mua là 71.000.000 đồng.

Khi đình hội có trả 2.000.000 đồng (đình hội tháng 4 hay tháng 5 năm 2023 nhớ không chính xác). Nay tôi xin trả số tiền gốc đóng vào cho bà H 54.960.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng đã trả còn lại 52.960.000 đồng, tôi đồng ý thanh toán cho bà H là 52.960.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Phạm Văn H1 trình bày: Bà L làm hội tự làm thì tự chịu không đồng ý cùng liên đới trả nợ, bà L tự kiện hội viên còn nợ hội chết rồi lấy tiền trả cho các hội viên này.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Phạm Văn H1 xin vắng không có ý kiến khác.*

Đồng bị đơn bà Trương Thị L đồng ý liên đới với ông Phạm Văn H1 thanh toán cho bà H số tiền hội còn nợ 52.960.000 đồng.

Ý kiến kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Trương Thị L và ông Phạm Văn H1 liên đới thanh toán cho bà H 52.960.000 đồng; án phí bà L và ông H1 chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn **Nguyễn Thị H**, bị đơn ông **Phạm Văn H1** có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

### [2] Về nội dung:

#### [2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà **H** khởi kiện bà **L**, ông **H1** yêu cầu thanh toán tiền hụi, quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp tiền hụi”.

#### [2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà **H** khởi kiện cho rằng vợ chồng bà **L** nợ tiền hụi do vợ chồng bà **L** làm chủ, trong thời gian giao dịch hụi ông bà đình hụi, số tiền hụi bà **H** nuôi sống và hụi mua vợ chồng bà **L** chưa hoàn trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **H** nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà **H**.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền hụi: Bà **H** khởi kiện vợ chồng bà **L** đòi tiền nợ hụi của hai dây hụi do vợ chồng bà **L** làm chủ hụi, bà **H** là hụi viên với số tiền 52.960.000 đồng. Thấy rằng: Tại biên bản ghi lời trình bày của đương sự ngày 30/7/2024 của Tòa án, bà **L** thừa nhận có làm chủ hụi và còn nợ hụi sau khi khấu trừ là 71.000.000 đồng, nay xin trả số tiền gốc bà **H** đóng vào là 54.960.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng còn lại 52.960.000 đồng ý thanh toán (bút lục số 22); căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, xác định vợ chồng bà **L** còn nợ tiền hụi bà **H** là có thật và buộc thanh toán là có căn cứ.

#### [2.3] Xác định nghĩa vụ thanh toán

Khoản tiền vợ chồng bà **L** nợ bà **H** là nợ tiền hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà **L**, bà **H** yêu cầu vợ chồng bà **L** thanh toán, bà **L** thừa nhận có nợ bà **H** và đồng ý thanh toán. Thấy rằng, việc bà **L** làm chủ hụi là kiếm thêm thu nhập cho gia đình, ông **H1** không chứng minh được là bà **L** sử dụng tiền hoa hồng từ việc làm hụi phục vụ cá nhân. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông **H1** có trách nhiệm liên đới cùng bà **L** thanh toán tiền hụi cho bà **H** là phù hợp.

Từ những phân tích trên, buộc vợ chồng bà **L** và ông **H1** liên đới thanh toán cho bà **H** 52.960.000 đồng, chậm trả còn phải chịu lãi suất trên tổng số tiền chậm thi hành án.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Vợ chồng bà **L** chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bà **H** được chấp nhận, cụ thể:  $52.960.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.648.000 \text{ đồng}$ .

Bà **H** không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H** về việc khởi kiện yêu cầu bà **Trương Thị L** và ông **Phạm Văn H1** thanh toán tiền hội.

Buộc bà **Trương Thị L** và ông **Phạm Văn H1** có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hội cho bà **Nguyễn Thị H** 52.960.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp vợ chồng bà **L** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông bà còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vợ chồng bà **L** phải chịu 2.648.000 đồng.

+ Bà **H** không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.725.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014112 ngày 19/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi*

*hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**